

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 - 7 - 2025.

V/v ly hôn giữa bà C và ông N.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

Ông Nguyễn Tùng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 147/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện L (nay là phường H), tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Ngọc N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khóm H, phường N, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28 tháng 4 năm 2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Bà và ông N sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 6 năm 2011, bà và ông N chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông N có lúc bạo lực gia đình, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên bà C yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông N. Bà và ông N chung sống với nhau có 01 người con chung tên Dương Hoàng L,

sinh ngày 20/12/2011. Khi ly hôn bà C yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Dương Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông không nêu ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Dương Ngọc N kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên bà C có đơn yêu cầu xin được ly hôn với ông N, ông N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường N, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, bà Chi, ông Nghĩa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do bà C cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện bà C và ông N có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 6 năm 2011. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc hai người đã sống ly thân, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc bà C yêu cầu được ly hôn với ông N là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà C và ông N chung sống với nhau có 01 người con chung tên Dương Hoàng L, sinh ngày 20/12/2011, khi ly hôn bà C yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu L là do bà C nuôi dưỡng và tại bản khai ngày 02/7/2025 cháu L có ý kiến muốn sống với bà C. Nhằm tạo sự ổn định cho cháu, xét yêu cầu của bà C về việc nuôi cháu L là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình..

[4] Về cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, do đó bà C phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim C ly hôn ông Dương Ngọc N.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Dương Hoàng L, sinh ngày 20/12/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim C nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với ông N, nhưng nếu ông N lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với ông N.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) bà C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0007992 ngày 13/5/2025, bà C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 1-Vĩnh Long;
- Cơ quan THADS có thẩm quyền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng

